

Số: 04/QLKH

Cần Thơ, ngày 02 tháng 01 năm 2019

V/v Thông báo đăng ký thực hiện  
đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở  
do sinh viên thực hiện năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Thực hiện Kết luận phiên họp mở rộng của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ ngày 17 tháng 12 năm 2015, đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) cấp cơ sở hàng năm được thực hiện theo 5 lĩnh vực NCKH ưu tiên của Trường.

Phòng Quản lý Khoa học (QLKH) thông báo đến đơn vị về việc xây dựng đề tài NCKH cấp cơ sở do sinh viên (SV) thực hiện năm 2019.

Nội dung công việc đơn vị thực hiện:

- (1) Thông báo cho SV xây dựng thuyết minh đề tài NCKH theo các trọng tâm nghiên cứu của 05 lĩnh vực NCKH ưu tiên của Trường năm 2019. Thông tin cần lưu ý:
  - + Thời gian nghiên cứu: **tối đa 6 tháng (dự kiến từ 4/2019 đến 9/2019)**, trường hợp khác sinh viên trình bày tại Tiểu ban Chuyên môn);
  - + Kinh phí tùy thuộc nội dung của đề tài, **cao nhất: 15 triệu đồng/đề tài** (khuyến khích đề tài không sử dụng ngân sách nhà nước, đề tài tương đương);
- (2) Đơn vị tổng hợp đề tài đăng ký của SV và nộp về Phòng QLKH, hồ sơ gồm:
  - + 01 bản in và file Danh mục tổng hợp.
  - + 01 bản in và file thuyết minh của mỗi đề tài.

Các trọng tâm nghiên cứu của 05 lĩnh vực NCKH ưu tiên của Trường năm 2019, mẫu Thuyết minh đề tài, mẫu Danh mục tổng hợp được đăng trên trang web của Phòng Quản lý Khoa học.

SV nộp hồ sơ đến Trụ lý NCKH của đơn vị để tổng hợp chung và nộp về Phòng QLKH, Phòng không nhận hồ sơ đăng ký của cá nhân.

Thời gian Phòng QLKH nhận hồ sơ: **đến 17h, ngày 14.02.2019.**

Thông tin liên hệ: Chuyên viên Nguyễn Văn Tấn, số điện thoại: 0919.234.067, email: [nguyentan@ctu.edu.vn](mailto:nguyentan@ctu.edu.vn).

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: QLKH.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Văn Khoa

**CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM CẦN NGHIÊN CỨU ĐỐI VỚI  
ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ DO SINH VIÊN THỰC HIỆN NĂM 2019  
THEO 5 LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ƯU TIÊU CỦA TRƯỜNG**  
(Kèm theo công văn số 01/QLKH, ngày 02 tháng 01 năm 2019)

**LĨNH VỰC 1:  
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG  
NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**VỀ NÔNG NGHIỆP**, bao gồm các trọng tâm nghiên cứu sau

**1) Công nghệ sinh học về giống và ứng dụng kỹ thuật gen**

- Sử dụng kỹ thuật sinh học mới nghiên cứu chọn giống cây trồng, vật nuôi, cải thiện năng suất, chất lượng, kháng bệnh, chống chịu và thích nghi tốt với điều kiện khí hậu (nhiệt độ cao, độ mặn,...) đối với giống loài đã có.
- Sử dụng các kỹ thuật gen để quản lý và khai thác nguồn gen của giống cây trồng và vật nuôi quý; quản lý và bảo tồn gen và nguồn lợi thủy sản.
- Chọn lọc đặc tính (biểu hiện) gen về khả năng chịu đựng môi trường (ví dụ: chịu mặn, nhiệt độ cao,...), chất lượng cây trồng (ví dụ: mùi, màu,...) v.v... để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng chống chịu môi trường.
- Khai thác, bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên di truyền thực vật, động vật; Nghiên cứu, xây dựng ngân hàng gen và bảo tồn nguồn gen các giống tốt, chú trọng vào khai thác có hiệu quả nguồn gen địa phương phục vụ cho lai tạo, chọn giống, phục tráng giống cây trồng.
- Phát triển và ứng dụng các phương pháp gây tạo đột biến kết hợp với ứng dụng công nghệ sinh học nuôi cấy mô và tế bào, chỉ thị phân tử,... làm tăng hiệu quả và tính định hướng trong đột biến.
- Thu thập, đánh giá và giải mã gen; nghiên cứu đặc tính và tiềm năng ứng dụng các gen có giá trị kinh tế phục vụ công tác chọn tạo giống.
- Phân lập, lập bản đồ phân tử, nghiên cứu các chỉ thị sinh lý - sinh hóa và phân tử trong nhận diện và đánh giá các đặc tính chống chịu, năng suất và chất lượng ở cây trồng.
- Sử dụng các phương pháp Marker Assisted Selection (MAS) và Marker Assisted Backcrossing (MABC) chọn tạo giống cây trồng.

**2) Công nghệ vi sinh**

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất thử nghiệm các chế phẩm sinh học làm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm vi sinh trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng và nông sản. Sử dụng các vi sinh vật (vi khuẩn,...) đã chọn lọc có đặc tính có lợi để ứng dụng trong lên men công nghiệp, làm phân vi sinh, chế phẩm vi sinh trong xử lý vi chất và độc chất trong đất, nước,... ***Ưu tiên các nghiên cứu hoàn thiện để tạo sản phẩm thương mại.***

### 3) Sinh học cây trồng vật nuôi

- Ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ mới trong nghiên cứu cơ bản (sinh lý học, sinh hoá, dinh dưỡng,...) cây trồng, vật nuôi để làm cơ sở cho phát triển kỹ thuật canh tác đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học tế bào trong lai tạo, chọn lọc và nhân nhanh các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao và thích ứng biến đổi khí hậu; trong đó tập trung vào các đối tượng cây trồng chủ lực và có thế mạnh ở địa phương như lúa, rau màu, dược liệu và hoa kiểng.

### 4) Quản lý dịch bệnh cây trồng và vật nuôi

Ứng dụng kỹ thuật sinh học để phát hiện, chẩn đoán, phát triển các quy trình và kit chẩn đoán nhanh và chính xác các vi khuẩn, vi-rút,... gây bệnh trên gia cầm, thủy cầm và động vật thủy sản. *Ưu tiên nghiên cứu hoàn thiện để tạo các kit chẩn đoán bệnh.*

### 5) Kỹ thuật canh tác và Công nghệ nuôi mới

- Ứng dụng kỹ thuật mới để xây dựng các mô hình sản xuất có năng suất chất lượng cao, điều khiển ra hoa/trái và chất lượng trái cây trồng, giảm phân bón, hoá chất, giảm tác động môi trường, giảm chi phí sản xuất,...
- Ứng dụng các công nghệ trong nhà màng/nhà lưới, công nghệ tưới tiêu và cung cấp dinh dưỡng (ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa,...).
- Nghiên cứu và cải tiến các quy trình canh tác ứng dụng công nghệ cao thích ứng với điều kiện các vùng sinh thái khác nhau, biến đổi khí hậu (BĐKH) trên đối tượng vật nuôi, cây trồng, nấm ăn và dược liệu.
- Phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả, bền vững, tạo sản phẩm sạch và hạn chế tác động môi trường trong chăn nuôi.

### 6) Công nghệ ly trích

- Nghiên cứu công nghệ chiết xuất các hoạt chất sinh học (từ cây trồng, vật nuôi) dùng trong sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, vật nuôi (chú trọng khai thác cây dược liệu địa phương).
- Nghiên cứu công nghệ ly trích CO<sub>2</sub> siêu tái tạo, công nghệ ly trích xanh các hoạt chất sinh học, tinh dầu,... trong các cây dược liệu địa phương.

### 7) Công nghệ chế biến và an toàn thực phẩm

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý trước và sau thu hoạch để bảo quản các loại nông sản, đặc biệt những loại có tiềm năng xuất khẩu.
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ chế biến sản phẩm cây trồng và vật nuôi chất lượng cao, đa dạng hoá sản phẩm, sản phẩm giá trị gia tăng,... và vệ sinh an toàn thực phẩm. *Ưu tiên các nghiên cứu hoàn thiện và nghiên cứu tạo sản phẩm thương mại hoá.*

### 8. Quản lý sức khỏe đất và cây trồng

- Nghiên cứu phương pháp chẩn đoán và biện pháp xử lý hiệu quả một số yếu tố bất lợi về đất cho các cây trồng chính ở ĐBSCL.
- Nghiên cứu xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong phục hồi, bảo vệ sức khỏe cho đất và cây trồng.

## **9. Công nghệ phục vụ phát triển nông thôn**

- Nghiên cứu mô hình canh tác, công nghệ làm giảm giá thành sản xuất, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao giá trị gia tăng; Ứng dụng các phương pháp 3 giảm 3 tăng, VietGAP, GlobalGAP.

- Nghiên cứu các mô hình sản xuất phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, thích ứng BĐKH.

*Ngoài các trọng tâm trên, Lĩnh vực còn xem xét ưu tiên cho các đề tài nghiên cứu có sản phẩm công bố khoa học trên tạp chí chất lượng (Tạp chí quốc tế), các đề tài hoàn thiện hoặc tạo được sản phẩm có khả năng thương mại hoá, các đề tài có ứng dụng cải thiện năng suất/chất lượng sản phẩm, giảm tác động môi trường, sản phẩm sạch và giảm chi phí sản xuất.*

**VỀ THỦY SẢN**, bao gồm các trọng tâm nghiên cứu sau:

### **1. Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật gen**

Nghiên cứu đa dạng nguồn gen các loài thủy sản bản địa, làm cơ sở bảo tồn và nuôi thủy sản.

### **2. Công nghệ vi sinh**

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng vi sinh vật có lợi trong sản xuất giống và nuôi thủy sản.

### **3. Quản lý dịch bệnh cây trồng và vật nuôi**

Ứng dụng kỹ thuật sinh học để phát hiện, chẩn đoán, phát triển các quy trình và kit chẩn đoán nhanh và chính xác các vi khuẩn, vi-rút,... gây bệnh trên gia cầm, thủy cầm và động vật thủy sản.

### **4. Công nghệ giống**

- Nghiên cứu phát triển công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nuôi tôm cá bố mẹ và con giống (gia hóa, chọn lọc; dinh dưỡng – thức ăn; hệ thống nuôi).

- Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất giống các đối tượng bản địa mới.

### **5. Công nghệ nuôi mới**

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các hệ thống nuôi hiện đại và bền vững (tuần hoàn, bioflocs, kết hợp đa loài, nuôi biển...) các đối tượng thủy sản.

### **7. Công nghệ ly trích**

Nghiên cứu hoạt chất sinh học từ động thực vật thủy sinh cho nuôi trồng thủy sản và thực phẩm chức năng.

### **8. Công nghệ chế biến và an toàn thực phẩm**

Nghiên cứu phát triển sản phẩm thủy sản mới; nghiên cứu bảo quản và đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **9. Sinh học vật nuôi**

Nghiên cứu khả năng thích ứng của một số loài nuôi thủy sản với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số loài mới làm cơ sở cho sản xuất giống và nuôi thủy sản.

**VỀ MÔI TRƯỜNG**, bao gồm các trọng tâm nghiên cứu sau:

**1.** Ứng dụng công nghệ trong mô phỏng và tối ưu sử dụng nước trong canh tác nông nghiệp, thủy sản trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

**2.** Ứng dụng kỹ thuật đồng vị bền trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

**LĨNH VỰC 2:**  
**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG**  
**TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

Bao gồm các trọng tâm nghiên cứu sau:

1. Ứng dụng GIS, viễn thám và mô hình toán trong đánh giá và quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu.
2. Nghiên cứu tối ưu hóa sử dụng nước trong sinh hoạt, canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong bối cảnh biến đổi khí hậu.
3. Nghiên cứu giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong sử dụng tài nguyên và môi trường.
4. Nghiên cứu kỹ thuật phân biệt sản phẩm nông nghiệp, thủy sản tự nhiên và nuôi trồng.
5. Nghiên cứu sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

**LĨNH VỰC 3:**  
**KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – TRUYỀN THÔNG**

Chủ đề nghiên cứu khoa học của năm 2019: **“Ứng dụng kỹ thuật công nghệ và công nghệ thông tin – truyền thông trong phát triển nông nghiệp, thủy sản và môi trường cho Đồng bằng sông Cửu Long”**.

Ngoài ra, Lĩnh vực cũng kêu gọi các đề xuất cấp thiết khác do nhu cầu xã hội đặt ra và ưu tiên cho các đề xuất liên ngành.

**LĨNH VỰC 4:**  
**KHOA HỌC GIÁO DỤC, LUẬT VÀ XÃ HỘI NHÂN VĂN**

Chủ đề nghiên cứu khoa học của năm 2019: **“Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của Trường Đại học Cần Thơ, góp phần phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long”**.

Một số vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu:

1. Thực trạng, giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học xã hội, khoa học giáo dục ở Trường Đại học Cần Thơ.
2. Nghiên cứu về nâng cao nhận thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong Trường đại học Cần Thơ.
3. Những vấn đề văn hóa – xã hội ĐBSCL: dân cư – dân tộc, tôn giáo – tín ngưỡng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, bình đẳng giới, xóa đói giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển du lịch, v.v...
4. Nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật trong các lĩnh vực xây dựng; đất đai; tổ chức bộ máy nhà nước; đảm bảo các quyền hiến định của công dân, quyền con người.
5. Các chính sách, pháp luật về phát triển năng lực bền vững.
6. Nghiên cứu và hoàn thiện quy định về nhà đầu tư và chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
7. Án lệ và lệ công bằng trong tư pháp Việt Nam.

**LĨNH VỰC 5:**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỊ TRƯỜNG**

Chủ đề nghiên cứu khoa học của năm 2019: **Phát triển kinh tế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long.**

Một số vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu:

1. Phân tích chính sách kinh tế.
2. Sinh kế và biến đổi khí hậu.
3. Sản xuất, thị trường gắn với tái cơ cấu kinh tế và liên kết.
4. Phát triển và đổi mới doanh nghiệp.
5. Phát triển kinh tế bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
6. Hội nhập kinh tế.
7. Xây dựng và phát triển thương hiệu địa phương, doanh nghiệp.
8. Phát triển hệ thống tài chính, tín dụng.
9. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐBSCL.
10. Phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở ĐBSCL.
11. Phát triển mô hình kinh tế xanh.
12. Xây dựng mô hình “Mỗi xã mỗi sản phẩm” (OCOP).

**- Hết -**

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI  
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ  
(do sinh viên thực hiện)**

<b>1. TÊN ĐỀ TÀI</b>	<b>2. MÃ SỐ</b>  <b>TSV2019-???</b>  <b>(Phòng QLKH sẽ cung cấp)</b>
<b>Lĩnh vực ưu tiên</b>  <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 1. Ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, thủy sản và môi trường <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 2. Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 3. Kỹ thuật công nghệ và công nghệ thông tin – truyền thông <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 4. Khoa học Giáo dục, Luật và Xã hội Nhân văn <input type="checkbox"/> Lĩnh vực 5. Phát triển kinh tế, thị trường	
<b>3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU</b>  Khoa học <input type="checkbox"/> Tự nhiên Khoa học <input type="checkbox"/> Y, dược Khoa học <input type="checkbox"/> Xã hội Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ <input type="checkbox"/> Khoa học Nông nghiệp <input type="checkbox"/> Khoa học Nhân văn <input type="checkbox"/>	<b>4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU</b>  Cơ bản      Ứng dụng      Triển khai  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<b>5. THỜI GIAN THỰC HIỆN</b> ..... tháng  Từ tháng ... năm 20... đến tháng ... năm 20...	

**6. ĐƠN VỊ CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

Tên đơn vị:

Điện thoại:

E-mail:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng đơn vị:

**7. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI****Họ và tên:****MSSV:**

Ngày tháng năm sinh:

Lớp:

Điện thoại di động:

Khóa:

E-mail:

**8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI** (cần ghi rõ nhiệm vụ của từng người, kể cả chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ phải phù hợp với nội dung ở Mục 15.2 ; chủ nhiệm phải là người thực hiện những nội dung quan trọng)

TT	Họ và tên	MSSV, Lớp, Khóa	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký
1				
2				

**Cán bộ hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài**

Họ và tên, MSCB	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nhiệm vụ	Chữ ký
		Hướng dẫn nội dung khoa học và Hướng dẫn lập dự toán kinh phí đề tài	

**9. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH** (cần ghi rõ tên, địa chỉ liên hệ của đơn vị phối hợp; nội dung phối hợp phải phù hợp với nội dung ở Mục 15.1; ghi rõ tên, chức vụ của người đại diện; Tốt nhất là có văn bản đồng ý của đơn vị phối hợp do người đại diện ký gửi kèm theo Thuyết minh)

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị



## **10. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**

10.1. Trong nước *(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)*

10.2. Ngoài nước *(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)*

10.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu *(họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản)*

a) Của chủ nhiệm đề tài

b) Của các thành viên tham gia nghiên cứu

*(Những công trình được công bố trong 5 năm gần nhất)*

**11. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI** *(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu (hạn chế của các công trình đã có, vấn đề các công trình chưa đề cập đến của phần Tổng quan), nêu sự cần thiết tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)*

**12. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI** *(cần ghi một cách cụ thể, rõ ràng, có thể định lượng hoặc định tính được; có tính khả thi; không viết mục tiêu quá rộng hoặc quá nhiều mục tiêu trong một đề tài)*

## **13. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

13.1. Đối tượng nghiên cứu *(Nếu không xác định đúng đối tượng nghiên cứu thì không thể thực hiện được đề tài)*

13.2. Phạm vi nghiên cứu *(Nêu rõ giới hạn nội dung, thời gian, không gian, lý giải sự chọn mẫu)*

#### 14. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

14.1. Cách tiếp cận (Nêu rõ cách tiếp cận nghiên cứu đề tài. VD: (1) nghiên cứu lý thuyết-thử nghiệm-ứng dụng; (2) Giải mã công nghệ (sản phẩm tiêu chuẩn) - thiết kế quy trình công nghệ - chế tạo; (3) Lý thuyết-thực trạng => giải pháp; (4) Thực trạng-lý thuyết => giải pháp)

14.2. Phương pháp nghiên cứu (Nêu rõ phương pháp nghiên cứu (Điều tra, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, chuyên gia,...) kỹ thuật sử dụng các phương pháp)

#### 15. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

15.1. Nội dung nghiên cứu (*Mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu của đề tài*) **Xác định những nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra**

15.2. Tiến độ thực hiện

STT	Các nội dung, công việc thực hiện	Sản phẩm	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện và số ngày thực hiện
1. 2. 3.	Ghi rõ các nội dung nghiên cứu cần thực hiện, nêu những hoạt động (công việc) cần thiết phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài, là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí cho đề tài, là căn cứ để kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài; đánh giá mức độ hoàn thành của đề tài khi nghiệm thu.  Phù hợp với mục 15.1	Phù hợp với cột (2)	Phù hợp với Mục 5.	Phù hợp với Mục 8.

#### 16. SẢN PHẨM

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu chất lượng sản phẩm (mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật,...)
I	Sản phẩm khoa học (Các công trình khoa học sẽ được công bố: sách, bài báo khoa học...)		
1.1			
1.2			

...			
II	Sản phẩm đào tạo (Luận văn tốt nghiệp đại học)		
2.1			
2.2			
...			
III	Sản phẩm ứng dụng		
3.1			
3.2			
...			

## **17. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG**

17.1. Phương thức chuyển giao

17.2. Địa chỉ ứng dụng

## **18. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

18.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo

18.2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan

18.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội

18.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

## 19. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện đề tài: ..... đồng.

Trong đó:

Kinh phí Trường cấp: ..... đồng.

Các nguồn khác: ..... đồng.

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Khoản chi, nội dung chi	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	
			Kinh phí Trường cấp	Các nguồn khác
1	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu	???	???	0
2	Chi tiền công lao động trực tiếp	???	???	0
3	Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn	???	???	0
4	Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu	???	???	0
5	Chi quản lý chung (5%)	???	???	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>???</b>	<b>???</b>	<b>0</b>

*Ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

**GHI TÊN KHOA/VIỆN**

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

**TL.HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
**GHI TÊN KHOA/VIỆN**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN  
ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NĂM 2019**

STT	Tên đề tài	Lĩnh vực ưu tiên (ghi đúng với thuyết minh)	SV chủ nhiệm (MSSV, Lớp)	CBHD (học hàm, học vị, đơn vị)	Mục tiêu	Nội dung chính (ghi theo mục 15.2 của thuyết minh)	Sản phẩm (ghi theo mục 16 của thuyết minh)	Thời gian thực hiện (ghi số tháng thực hiện)	Kinh phí (làm tròn ở mức triệu đồng)
1.									
2.									
3.									
4.									
5.									
6.									
7.									
8.									
9.									
10.									
11.									
12.									
13.									
14.									
15.									
16.									
17.									
18.									
19.									
20.									
21.									
22.									
23.									

STT	Tên đề tài	Lĩnh vực ưu tiên (ghi đúng với thuyết minh)	SV chủ nhiệm (MSSV, Lớp)	CBHD (học hàm, học vị, đơn vị)	Mục tiêu	Nội dung chính (ghi theo mục 15.2 của thuyết minh)	Sản phẩm (ghi theo mục 16 của thuyết minh)	Thời gian thực hiện (ghi số tháng thực hiện)	Kinh phí (làm tròn ở mức triệu đồng)
24.									
25.									
26.									
27.									
28.									
29.									
30.									
31.									
32.									
33.									
34.									
35.									
36.									
37.									
38.									
39.									
40.									
41.									
42.									
43.									
44.									
45.									
46.									
47.									
48.									
49.									
50.									

Cần Thơ, ngày ..... tháng ..... năm 2019

**Thủ trưởng đơn vị**